

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HKII MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12  
NĂM HỌC 2022 - 2023

**Câu 1:** Loại hình vận tải chiếm tỉ trọng cao nhất trong khối lượng vận tải hành khách và hàng hóa của nước ta hiện nay là

- A. đường biển.                      B. đường sắt.                      C. đường ô tô.                      D. đường sông.

**Câu 2:** Để vừa tăng sản lượng hải sản vừa bảo vệ được nguồn lợi hải sản, nước ta cần phải

- A. hạn chế việc đánh bắt, tăng cường việc nuôi trồng và chế biến.  
B. tăng cường đánh bắt, đẩy mạnh nuôi trồng và chế biến.  
C. hiện đại hóa phương tiện, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.  
D. tăng cường và hiện đại hóa phương tiện, đẩy mạnh chế biến.

**Câu 3:** Ở nước ta hiện nay, việc làm là vấn đề kinh tế - xã hội gay gắt vì

- A. lực lượng lao động dồi dào, chiếm hơn 50% dân số.  
B. sự gia tăng lao động hàng năm lớn.  
C. tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm còn lớn.  
D. chất lượng lao động chưa cao, chưa đồng bộ.

**Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, theo hướng từ Nam ra Bắc ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ ta lần lượt gặp các trung tâm công nghiệp là

- A. Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết.  
B. Nha Trang, Phan Thiết, Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Đà Nẵng.  
C. Phan Thiết, Nha Trang, Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Đà Nẵng.  
D. Đà Nẵng, Nha Trang, Phan Thiết, Quy Nhơn, Quảng Ngãi.

**Câu 5:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết điểm khai thác crôm Cỏ Định thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Thanh Hóa.                      D. Nghệ An.

**Câu 6:** Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu của việc khai thác chiều sâu trong nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. thủy lợi.                      B. tăng diện tích đất.                      C. trồng rừng.                      D. bảo vệ rừng.

**Câu 7:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết cây công nghiệp lâu năm nào sau đây là cây trồng chuyên môn hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Chè.                      B. Cà phê.                      C. Cao su.                      D. Hồ tiêu.

**Câu 8:** Vùng Bắc Trung bộ **không** tiếp giáp

- A. Đồng bằng sông Hồng.                      B. Vùng Tây Nguyên.  
C. Lào.                      D. Biển Đông.

**Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy điện nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Phả Lại.                      B. Na Dương.                      C. Thác Bà.                      D. Hòa Bình.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết hồ Phú Ninh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Nam.                      B. Quảng Ngãi.                      C. Phú Yên.                      D. Bình Định.

**Câu 11:** Để tạo sự phát triển ổn định, khai thác có hiệu quả tiềm năng biển, nước ta cần phải

- A. phát triển hài hòa cả nuôi trồng và khai thác.                      B. bảo vệ môi trường biển.  
C. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.                      D. giải quyết các vấn đề tranh chấp trên Biển Đông.

**Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết Đông Nam Bộ có cảng biển nào sau đây?

- A. Cam Ranh.                      B. Ba Ngòi.                      C. Vũng Tàu.                      D. Kiên Lương.

**Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết Tây Nguyên **không** có loại khoáng sản nào sau đây?

- A. Than đá.                      B. Bô xít                      C. Đá axít.                      D. Asen.

**Câu 14:** Điều kiện quan trọng nhất để phát triển du lịch biển ở nước ta là

- A. vị trí gần đường hàng hải quốc tế.                      B. vùng biển rộng, giàu tài nguyên.  
C. cơ sở hạ tầng, kĩ thuật được đầu tư.                      D. nhiều bãi tắm tốt, phong cảnh đẹp.

**Câu 15:** Biểu hiện của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta là

- A. các vùng sản xuất chuyên canh được mở rộng.                      B. tăng tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng.  
C. các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành.                      D. phát triển nhiều khu công nghiệp tập trung.

**Câu 16:** Phải phát triển tổng hợp kinh tế biển vì

A. tài nguyên biển đang bị suy thoái.

B. hoạt động kinh tế biển rất đa dạng.

C. góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo.

D. tài nguyên biển rất dồi dào.

**Câu 17:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết huyện đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Bạc Liêu.

B. Kiên Giang.

C. An Giang.

D. Cà Mau.

**Câu 18:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?

A. Điện Biên.

B. Lai Châu.

C. Thái Bình.

D. Sơn La.

**Câu 19:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc tỉnh Bình Định?

A. Biên Hòa.

B. Nha Trang.

C. Quy Nhơn.

D. Vũng Tàu.

**Câu 20:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực lớn nhất?

A. Hà Giang.

B. Nam Định.

C. Lào Cai.

D. Cao Bằng.

**Câu 21:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

A. Cảng Việt Trì.

B. Cảng Hải Phòng.

C. Cảng Cái Lân.

D. Cảng Cửa Lò.

**Câu 22:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết kênh Phụng Hiệp nối Cà Mau với địa điểm nào sau đây?

A. U Minh.

B. Ngã Bảy.

C. Năm Căn.

D. Vị Thanh.

**Câu 23:** Các đảo ven bờ nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển

A. đánh bắt cá và hoạt động du lịch.

B. khai thác khoáng sản và vận tải.

C. trồng cây lương thực và rau quả.

D. nuôi các gia súc lớn và gia cầm.

**Câu 24:** Nước ta hiện nay có kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhanh chủ yếu do

A. mức sống tăng, đẩy mạnh công nghiệp hóa.

B. sản xuất phát triển, hội nhập kinh tế thế giới.

C. đẩy mạnh hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường.

D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất đa dạng.

**Câu 25:** Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

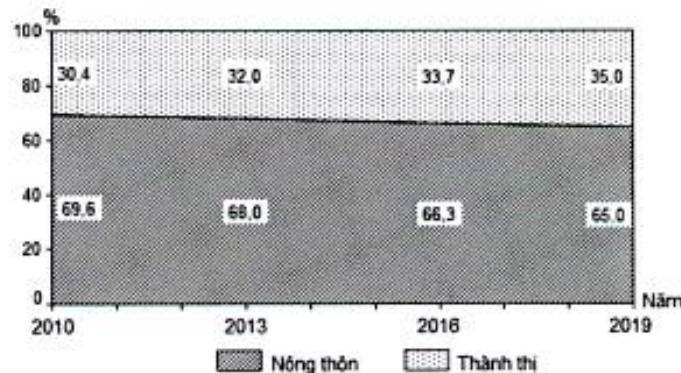
A. Giáp Đông Nam Bộ, có các loại khoáng sản.

B. thu hút được nhiều đầu tư, có các cảng biển.

C. có trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp.

D. cơ sở hạ tầng phát triển, nhiều nguyên liệu.

**Câu 26:** Cho biểu đồ về dân số nông thôn và thành thị của nước ta giai đoạn 2010 - 2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô, cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.

B. Thay đổi quy mô dân số nông thôn và thành thị.

C. Chuyển dịch cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.

D. Tốc độ tăng trưởng dân số nông thôn và thành thị.

**Câu 27:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

A. khai thác hợp lí tự nhiên, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa.

B. đa dạng hóa nông nghiệp, bảo vệ tốt tài nguyên và môi trường.

C. đẩy mạnh tăng trưởng sản xuất, gắn liền các lãnh thổ với nhau.

D. khai thác thế mạnh mỗi vùng, tạo sự liên kết sản xuất lãnh thổ.

**Câu 28:** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NỘI ĐỊA CỦA NƯỚC TA NĂM 2015 VÀ 2019**

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Nuôi cá	Nuôi tôm	Nuôi thủy sản khác
2015	327,3	668,4	16,4
2019	333,5	747,5	11,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích nuôi trồng thủy sản nội địa của nước ta năm 2015 và 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.                      B. Kết hợp.                      C. Đường.                      D. Tròn.

**Câu 29:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh.                      B. Quảng Bình.                      C. Thanh Hóa.                      D. Nghệ An.

**Câu 30:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có ngành đóng tàu?

- A. Quảng Ngãi.                      B. Nha Trang.                      C. Đà Nẵng.                      D. Quy Nhơn.

**Câu 31:** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2014**

(Đơn vị: nghìn tấn)

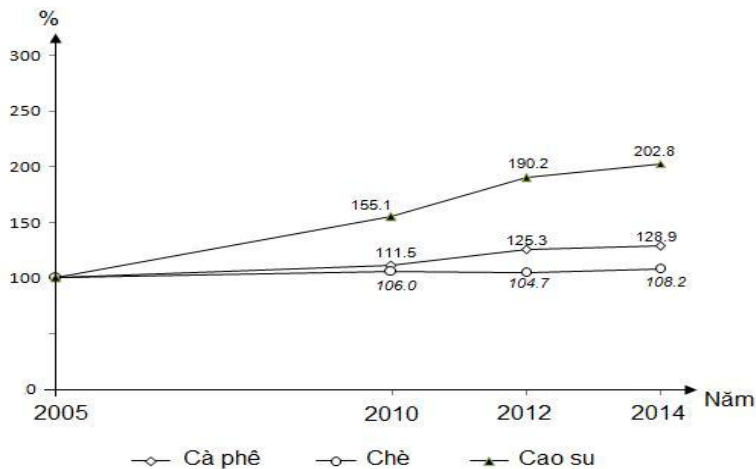
Năm	2005	2010	2012	2014
Khai thác	1 987,9	2 414,4	2 705,4	2 920,4
Nuôi trồng	1 478,9	2 728,3	3 115,3	3 412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Nuôi trồng tăng nhiều hơn khai thác.                      B. Khai thác tăng nhiều hơn nuôi trồng.  
C. Khai thác luôn lớn hơn nuôi trồng.                      D. Khai thác và nuôi trồng đều tăng.

**Câu 32:** Cho biểu đồ:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.  
B. Quy mô, cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.  
C. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp lâu năm của nước ta.  
D. Thay đổi quy mô diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta.

**Câu 33:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho quá trình đô thị hóa gia tăng nhanh ở nước ta hiện nay là

- A. quá trình công nghiệp hóa được đẩy mạnh.                      B. hội nhập quốc tế và khu vực sâu rộng.  
C. thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài.                      D. nền kinh tế chuyển sang kinh tế thị trường.

**Câu 34:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho hoạt động khai thác thủy sản xa bờ ở nước ta ngày càng phát triển là do

- A. nguồn lợi sinh vật biển ngày càng phong phú.                      B. cơ sở chế biến thủy sản ngày càng phát triển.  
C. lao động có kinh nghiệm ngày càng đông.                      D. tàu thuyền, ngư cụ ngày càng hiện đại.

- Câu 35:** Các cánh rừng phi lao ở vùng ven biển miền Trung nước ta thuộc loại  
 A. vườn quốc gia. B. rừng đặc dụng.  
 C. rừng phòng hộ. D. khu dự trữ sinh quyển.
- Câu 36:** Ý nghĩa của các đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là  
 A. có nhiều tài nguyên hải sản. B. có điều kiện thuận lợi phát triển du lịch.  
 C. thuận lợi phát triển giao thông biển. D. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
- Câu 37:** Khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là  
 A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. B. cơ sở hạ tầng còn hạn chế.  
 C. thiếu nguyên liệu tại chỗ. D. dân số đông, mật độ dân số cao.
- Câu 38:** Vấn đề chủ yếu cần chú ý trong phát triển ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là  
 A. hạn chế nuôi trồng để bảo vệ môi trường sinh thái.  
 B. hạn chế khai thác để duy trì trữ lượng hải sản.  
 C. tăng cường đánh bắt xa bờ để nâng cao sản lượng hải sản.  
 D. khai thác hợp lý đi đôi với bảo vệ nguồn lợi hải sản.
- Câu 39:** Nguyên nhân chính làm cho tài nguyên rừng của nước ta bị suy giảm mạnh trong thời gian qua là  
 A. khai thác quá mức. B. đốt rừng làm nương. C. hậu quả chiến tranh. D. cháy rừng.
- Câu 40:** Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta là  
 A. dầu mỏ. B. than nâu. C. khí tự nhiên. D. than đá.
- Câu 41:** Cơ sở năng lượng của vùng Đông Nam Bộ từng bước được giải quyết nhờ vào phát triển  
 A. điện gió. B. điện nhập khẩu. C. nguồn điện. D. điện than.
- Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích cây công nghiệp lâu năm và diện tích cây công nghiệp hàng năm bằng nhau?  
 A. Bình Dương. B. Đồng Nai. C. Bình Phước. D. Tây Ninh.
- Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** có ngành công nghiệp chế biến lương thực?  
 A. Cà Mau. B. Cần Thơ. C. Biên Hòa. D. Quy Nhơn.

**Câu 44:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2016

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Năm	2005	2010	2012	2016
Xuất khẩu	32447,1	72236,7	114529,2	176580,8
Nhập khẩu	36761,1	84838,6	113780,4	174803,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Kết hợp. C. Tròn. D. Miền.

**Câu 45:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU  
 THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	Giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ)
2010	5 143	2 728	5 017
2013	6 020	3 216	6 693
2014	6 333	3 413	7 825
2015	6 582	3 532	6 569

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Kết hợp. C. Tròn. D. Miền.

**Câu 45.** Thế mạnh để phát triển các loại cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là do

- A. phần lớn diện tích đất là đất feralit trên đá phiến, đá vôi.
- B. có đất phù sa cổ và đất phù sa mới.
- C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh.
- D. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới nổi tiếng.

**Câu 46.** Nguồn than ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu phục vụ cho

- A. nhiệt điện và hóa chất.
- B. nhiệt điện và luyện kim.
- C. nhiệt điện và xuất khẩu.
- D. luyện kim và xuất khẩu.

**Câu 47.** Hạn chế lớn nhất đối với phát triển kinh tế – xã hội của vùng Đồng bằng Sông Hồng là

- A. có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, rét đậm, sương muối.
- B. dân số quá đông, mật độ dân số cao.
- C. diện tích đất nông nghiệp đang có xu hướng thu hẹp nhanh.
- D. thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.

**Câu 48.** Hai trung tâm du lịch tiêu biểu của vùng Đồng bằng Sông Hồng là

- A. Hà Nội, Hải Dương.
- B. Hà Nội, Nam Định.
- C. Hà Nội, Ninh Bình.
- D. Hà Nội, Hải Phòng.

**Câu 49.** Dải đồng bằng ở vùng Bắc Trung Bộ có nhiều thuận lợi để phát triển

- A. lúa và hoa màu.
- B. nuôi trồng thủy sản.
- C. cây công nghiệp lâu năm.
- D. chăn nuôi gia súc, gia cầm.

**Câu 50.** Tỉnh trọng điểm nghề cá ở vùng Bắc Trung Bộ là

- A. Thanh Hóa.
- B. Nghệ An.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Quảng Bình.

**Câu 51.** Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có thế mạnh tự nhiên về đánh bắt thủy sản là do

- A. có đường bờ biển dài với nhiều cửa sông, vũng vịnh, đầm phá.
- B. có vùng biển rộng, nhiều loài tôm cá với các ngư trường lớn.
- C. nhu cầu thủy sản lớn, công nghiệp chế biến phát triển mạnh.
- D. khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm nên năng suất sinh học cao.

**Câu 52.** Ý nghĩa chủ yếu về mặt xã hội đối với việc phát triển cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên là

- A. thu hút hàng vạn lao động, tạo ra tập quán sản xuất mới cho đông bào các dân tộc ở Tây Nguyên.
- B. nâng cao đời sống nhân dân, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.
- C. thu hút đầu tư từ các vùng khác tới làm tăng mật độ dân số của vùng.
- D. nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển dịch vụ y tế, giáo dục.

**Câu 53.** Điều kiện thuận lợi cho vùng Tây Nguyên thành lập các nông trường và vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn là

- A. đất đỏ badan giàu dinh dưỡng, phân bố tập trung với những mặt bằng rộng lớn.
- B. khí hậu cận xích đạo với mùa khô và mùa mưa rõ rệt, có sự phân hóa theo độ cao địa hình.
- C. khí hậu cận xích đạo, nguồn nước trên mặt và nguồn nước ngầm phong phú.
- D. mùa khô kéo dài là điều kiện thuận lợi để phơi sấy sản phẩm cây công nghiệp.

**Câu 54.** Để phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên rừng ở vùng Tây Nguyên giải pháp chủ yếu là

- A. ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác hợp lý kết hợp với bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng mới.
- B. tận thu cành, ngọn để hạn chế khai thác rừng.
- C. bảo vệ các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.
- D. củng cố các lâm trường để chăm lo việc khai thác đi đôi với tu bổ và bảo vệ rừng.

**Câu 55.** Hạn chế lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ để phát triển nông nghiệp là

- A. diện tích đất canh tác không lớn.
- B. mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng.
- C. cơ sở vật chất kỹ thuật kém phát triển.
- D. chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

**Câu 56.** Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.
- B. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.
- C. quy hoạch và xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- D. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp khai thác dầu khí.

- Câu 57.** Tác động của ngành công nghiệp khai thác dầu khí đến nền kinh tế của vùng Đông Nam Bộ là
- làm chuyên dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa lãnh thổ của vùng.
  - đảm bảo an ninh quốc phòng.
  - tăng nhanh tổng sản phẩm trong nước (GDP).
  - làm thay đổi cơ cấu lao động trong vùng.
- Câu 58.** Nhận xét nào dưới đây **không** đúng khi đánh giá về sông ngòi của vùng Đồng bằng sông Cửu Long?
- mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc.
  - có trữ năng thủy điện lớn.
  - chế độ nước thay đổi theo mùa.
  - ảnh hưởng sâu sắc của mưa ở thượng nguồn và thủy triều.
- Câu 59.** Thảm thực vật chủ yếu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là
- rừng ngập mặn và rừng tràm.
  - rừng ngập mặn và rừng thưa cây bụi.
  - rừng tràm và rừng thưa.
  - rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn.
- Câu 60.** Phương hướng chủ yếu hiện nay để giải quyết vấn đề lũ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là
- tránh lũ.
  - chủ động sống chung với lũ.
  - xây dựng hệ thống đê bao.
  - trồng rừng chống lũ.
- Câu 61.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng nhất ở Đông Nam Bộ?
- Biên Hòa.
  - Thủ Dầu Một.
  - Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Vũng Tàu.
- Câu 62.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào **không** nằm ở vùng Đông Nam Bộ?
- Thủ Dầu Một.
  - Vũng Tàu.
  - Biên Hòa.
  - Tân An.
- Câu 63.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có ít ngành công nghiệp nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?
- Sóc Trăng.
  - Kiên Lương.
  - Cà Mau.
  - Cần Thơ.
- Câu 64.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong cơ cấu ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?
- Vật liệu xây dựng.
  - Cơ khí
  - Đóng tàu.
  - Hóa chất
- Câu 65.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cây công nghiệp chuyên môn hóa hàng đầu ở Đông Nam Bộ là
- cao su.
  - cà phê.
  - hồ tiêu.
  - điều.
- Câu 66.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết trong cơ cấu ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp Biên Hòa **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?
- Điện tử, dệt, may, vật liệu xây dựng.
  - Khai thác, chế biến lâm sản.
  - Luyện kim đen, luyện kim màu.
  - Cơ khí, hóa chất, phân bón.
- Câu 67.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, hãy cho biết Đông Nam Bộ có cảng biển nào sau đây?
- Ba Ngòi.
  - Vũng Tàu.
  - Kiên Lương.
  - Cam Ranh.
- Câu 68.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cây công nghiệp chuyên môn hóa hàng đầu ở Tây Nguyên là
- chè.
  - cà phê.
  - cao su.
  - hồ tiêu.
- Câu 69.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có ít ngành công nghiệp nhất ở Duyên hải Nam Trung Bộ?
- Phan Thiết.
  - Nha Trang.
  - Quảng Ngãi.
  - Đà Nẵng.
- Câu 70.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết Duyên hải Nam Trung Bộ **không** có khu kinh tế ven biển nào sau đây?
- Chu Lai.
  - Dung Quất.
  - Chân Mây –Lăng Cô.
  - Nhơn Hội.

**Kiến thức trọng tâm: ĐỊA LÍ CÁC VÙNG KINH TẾ**

-----**HẾT**-----**DUYỆT CỦA BGH**